

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *763* /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày *20* tháng *6* năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102- SL/L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam đã được Đại hội thành lập Hội thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2013 tại Hà Nội.

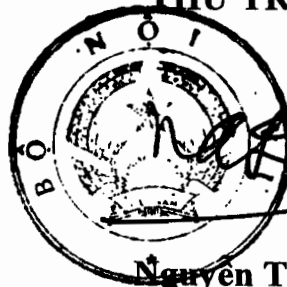
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Công an (C64);
- Lưu: VT, TCP, T.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Tiến Đình

ĐIỀU LỆ

HỘI TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 763/QĐ-BNV
ngày 20 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi của Hội

1. Tên tiếng Việt: Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnamese Association of Social Psychology.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội- nghề nghiệp, tự nguyện của các công dân, tổ chức Việt Nam đã và đang làm công tác giảng dạy, nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng, tuyên truyền, phổ biến, dịch vụ, tư vấn trong lĩnh vực tâm lý học xã hội và ứng dụng các tri thức tâm lý học xã hội trong nhà trường, cộng đồng, xã hội nói chung vào giải quyết những vấn đề xã hội do thực tiễn đặt ra và phát triển tâm lý học xã hội.

2. Mục đích của Hội là tập hợp hội viên để đẩy mạnh các hoạt động trao đổi thông tin, kinh nghiệm, nghiên cứu, đào tạo, phổ biến, ứng dụng tâm lý học xã hội trong đời sống xã hội nhằm phát huy những nhân tố tâm lý tích cực trong xã hội phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời khắc phục và đẩy lùi hiệu quả những yếu tố tâm lý tiêu cực nảy sinh trong đời sống xã hội hiện nay, góp phần xây dựng và thúc đẩy phát triển ngành tâm lý học xã hội Việt Nam hòa nhập với nền tâm lý học khu vực và quốc tế.

Điều 3. Nguyên tắc, phạm vi hoạt động và địa vị pháp lý

1. Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản; dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch; tự đảm bảo kinh phí; không vì mục đích lợi nhuận, tuân thủ quy định của Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam hoạt động trên phạm vi cả nước, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam có tư cách pháp nhân, con dấu, biểu tượng, tài khoản riêng. Việc thành lập cơ quan ngôn luận của Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Trụ sở chính của Hội đặt tại Phòng 501, 502, Tầng 5, Tòa nhà H1, số 37, phố Kim Mã Thượng, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội. Khi cần, Hội có thể thành lập văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ

Điều 4. Nhiệm vụ của Hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo đúng Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, tuân thủ pháp luật về hội và quy định của pháp luật khác có liên quan. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết, động viên tinh thần tích cực và khả năng sáng tạo của hội viên trong việc trao đổi thông tin, kinh nghiệm, nghiên cứu những vấn đề về lý luận của tâm lý học xã hội Việt Nam như: Lý luận về tâm lý các nhóm, các tầng lớp xã hội (nhận thức xã hội, tư duy xã hội, niềm tin xã hội...); tri giác xã hội, tâm trạng xã hội, thái độ xã hội, các hành vi xã hội; tâm lý học quản lý; tâm lý giao tiếp trong tổ chức; tâm lý học kinh doanh; các vấn đề bạo lực trong đời sống xã hội, trong gia đình và nhà trường; vấn đề trầm cảm và tự tử trong xã hội; thích ứng xã hội, các kỹ năng sống; định kiến xã hội, định kiến giới; tâm lý đám đông... và các vấn đề tâm lý xã hội khác ở con người trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế của Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Hỗ trợ, liên kết, khuyến khích hội viên hợp tác, nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và đưa tri thức tâm lý học xã hội vào tư vấn, giảng dạy, giáo dục, đào tạo nhằm góp phần thúc đẩy, phổ biến các hành vi, hiện tượng tâm lý tích cực đồng thời dự báo, phòng ngừa, làm giảm thiểu, ngăn chặn những hành vi tâm lý tiêu cực nảy sinh trong xã hội, phục vụ công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế đất nước; giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên trong hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia với các cơ quan, tổ chức có chức năng của Nhà nước, trường đại học, các viện nghiên cứu tiến hành các hoạt động nghiên cứu, đào tạo chuyên môn về tâm lý học xã hội khi được yêu cầu nhằm thúc đẩy phát huy những yếu tố tâm lý tích cực và ứng dụng tri thức tâm lý học xã hội vào việc tư vấn, giáo dục, giải quyết những vấn đề phức tạp, tiêu cực nảy sinh trong xã hội làm ảnh hưởng đến sự phát triển, tiến bộ xã hội theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với các cơ sở đào tạo có chức năng tổ chức các khoá đào tạo kỹ năng sống cho các lứa tuổi (chủ yếu là thanh thiếu niên, trẻ em) phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và giúp đỡ hội viên trong các hoạt động liên kết kinh tế - khoa học và ứng dụng tâm lý học, các loại hình dịch vụ tư vấn tâm lý xã hội theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc giữa hội viên với các tổ chức, cá nhân, các chuyên gia tâm lý học xã hội trong và ngoài nước để trao đổi thông tin, xúc tiến hợp tác trong lĩnh vực tâm lý xã hội nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng tâm lý học xã hội trong hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

7. Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và thực hiện chức năng tư vấn, phản biện và giám định xã hội về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tâm lý học xã hội khi được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động, phổ biến kiến thức, cập nhật thông tin về tâm lý học xã hội, xu hướng tâm lý xã hội cho hội viên và đông đảo nhân dân quan tâm nhằm góp phần thúc đẩy xã hội hoá hoạt động đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng tâm lý xã hội vào việc xây dựng xã hội học tập, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài trong lĩnh vực tâm lý học xã hội theo quy định của pháp luật.

8. Động viên sự nhiệt tình và khả năng sáng tạo của hội viên trong nghiên cứu, vận dụng những kiến thức, tri thức tâm lý học xã hội mới để khuyến khích yếu tố tâm lý tích cực trong xã hội phù hợp với các giai đoạn phát triển của đất nước.

Điều 5. Quyền hạn của Hội

1. Tuyên truyền mục đích hoạt động của Hội và đại diện cho hội viên trong quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội và quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; hòa giải tranh chấp trong nội bộ Hội.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.

4. Thành lập pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

6. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động.

7. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

8. Được gia nhập các tổ chức quốc tế có cùng lĩnh vực hoạt động của Hội và ký kết, thực hiện thỏa thuận hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động; cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế, ký kết, thực hiện thỏa thuận hợp tác quốc tế.

9. Khen thưởng, kỷ luật và kết nạp, khai trừ hội viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 6. Nghĩa vụ của Hội

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện các công việc: Tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường; thay đổi các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Hội; thay đổi trụ sở; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội; lập văn phòng đại diện ở các địa phương khác; thành lập và giải thể các pháp nhân trực thuộc Hội.

2. Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động, việc quản lý sử dụng kinh phí, tiếp nhận, sử dụng nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hội và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm.

3. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

4. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội các hồ sơ, tài liệu trong quá trình hoạt động của Hội, danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các đơn vị thuộc và trực thuộc Hội; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội và biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

5. Kinh phí thu được theo quy định tại Khoản 6 và Khoản 7, Điều 5 của Điều lệ Hội không được chia cho hội viên theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 7. Hội viên

1. Hội viên chính thức: Các tổ chức pháp nhân, công dân Việt Nam đã và đang làm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đào tạo, tuyên truyền, phổ biến, ứng dụng, quản lý giáo dục, tư vấn, dịch vụ trong lĩnh vực tâm lý học xã hội, tán thành Điều lệ Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam, tự nguyện nộp đơn gia nhập Hội đều có thể được Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định kết nạp.

2. Hội viên danh dự: Các công dân, tổ chức Việt Nam có uy tín, có đóng góp cho sự phát triển của Hội nhưng không có điều kiện tham gia hoạt động Hội với tư cách là hội viên chính thức, nếu tán thành Điều lệ Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam, có thể được Ban Thường vụ Hội công nhận là hội viên danh dự.

Điều 8. Quyền lợi của hội viên

1. Hội viên cá nhân:

a) Được tham gia các hoạt động, dự đại hội, thảo luận, biểu quyết các công việc của Hội, được bầu cử và ứng cử vào Ban Chấp hành Hội và giới thiệu hội viên gia nhập Hội theo Điều lệ của Hội;

b) Kiến nghị với Hội và các tổ chức của Hội để được giúp đỡ, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, tri thức tâm lý học xã hội, được Hội tạo điều kiện

đưa các kết quả nghiên cứu, ứng dụng tri thức tâm lý học xã hội vào đời sống xã hội. Ưu tiên công bố các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong các tạp chí, ấn phẩm của Hội;

c) Được cung cấp thông tin thường xuyên về các kết quả, công trình nghiên cứu mới trong lĩnh vực tâm lý học xã hội, tạo điều kiện tiếp xúc, gặp gỡ trao đổi với các tổ chức, cá nhân, các chuyên gia tâm lý học xã hội trong và ngoài nước nhằm nâng cao kiến thức, trình độ, khả năng thực hiện các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng tâm lý học xã hội trong hoạt động nghề nghiệp;

d) Được cấp Thẻ "Hội viên Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam" và sử dụng thẻ này khi tham gia các sinh hoạt và hoạt động của Hội;

đ) Được Hội bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp trong hoạt động phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Hội và quy định của pháp luật;

e) Được xin ra khỏi Hội khi xét thấy không thể hoặc không muốn tiếp tục tham gia hoạt động Hội. Trong trường hợp này, hội viên cần thông báo chính thức bằng văn bản cho Hội hoặc tổ chức trực thuộc nơi tham gia sinh hoạt Hội trước 01 (một) tháng và phải nộp lại thẻ hội viên.

2. Hội viên tổ chức:

a) Được tham gia các hoạt động, cử đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc, thảo luận, biểu quyết các công việc của Hội, được bầu cử và ứng cử vào Ban Chấp hành Hội và giới thiệu hội viên gia nhập Hội theo Điều lệ của Hội;

b) Được cấp Giấy chứng nhận "Hội viên tổ chức của Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam" và được tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động nghề nghiệp và được hưởng các quyền lợi khác do Hội quy định.

3. Hội danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra của Hội.

Điều 9. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành và thực hiện nghiêm túc Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội và pháp luật. Tích cực hưởng ứng và tham gia các hoạt động do Hội tổ chức và chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được Hội giao.

2. Tham gia sinh hoạt Hội và tuyên truyền, phát triển hội viên mới.

3. Bảo vệ uy tín, danh dự của Hội và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

4. Đóng hội phí đầy đủ và đúng kỳ hạn theo quy định của Ban Chấp hành Hội.

Điều 10. Hình thức, thủ tục và thẩm quyền kết nạp, xóa tên hội viên

1. Các tổ chức, công dân Việt Nam muốn gia nhập làm hội viên của Hội phải làm đơn xin gia nhập Hội kèm theo bản sao bằng cấp nghề nghiệp đối với cá nhân và bản sao quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với hội viên tổ chức.

2. Hội viên tổ chức và cá nhân của Hội nếu có nguyện vọng xin ra khỏi Hội phải có đơn gửi Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định.

3. Tư cách hội viên sẽ bị chấm dứt hoặc bị xoá tên khỏi danh sách hội viên của Hội khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Tự nguyện xin thôi sinh hoạt Hội;
- b) Hoạt động trái Điều lệ Hội;
- c) Vi phạm pháp luật bị kết tội và phải chịu hình phạt khi có bản án kết tội của toà án đã có hiệu lực pháp luật;
- d) Bị chết, mất tích hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- đ) Tổ chức tự ngừng hoạt động, bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động hoặc tuyên bố phá sản;
- e) Hội viên không tham gia sinh hoạt Hội trong 3 (ba) kỳ được triệu tập liên tiếp, không đóng hội phí trong thời gian từ 01 (một) năm trở lên mà không có lý do chính đáng.

4. Việc kết nạp và xoá tên hội viên do Văn phòng Hội đề nghị Ban Thường vụ Hội xem xét, trình Chủ tịch Hội quyết định.

5. Văn phòng Hội có trách nhiệm đăng tải danh sách hội viên kết nạp mới và thông báo việc xoá tên hội viên tới hội viên bị xoá tên công khai trên trang Web của Hội trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hội viên bị xoá tên.

Chương IV

TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 11. Cơ cấu tổ chức của Hội

- 1. Đại hội đại biểu toàn quốc.
- 2. Ban Chấp hành Hội.
- 3. Ban Thường vụ Hội.
- 4. Ban Kiểm tra Hội.
- 5. Văn phòng Hội.
- 6. Các ban chuyên môn.
- 7. Chi hội cơ sở.
- 8. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội.

Điều 12. Đại hội đại biểu toàn quốc và Đại hội bất thường

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam là Đại hội đại biểu toàn quốc (sau đây gọi tắt là Đại hội), nhiệm kỳ 5 (năm) năm họp một lần do Ban Chấp hành Hội triệu tập. Đại hội được coi là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt. Số lượng đại biểu và tỷ lệ phân bổ đại biểu dự Đại hội do Ban Chấp hành Hội đương nhiệm quyết định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội:

- a) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết hoạt động nhiệm kỳ qua và phương hướng, nhiệm vụ hoạt động của Hội nhiệm kỳ tới;
- b) Xem xét và thông qua báo cáo tài chính của Hội nhiệm kỳ qua và dự toán định hướng hoạt động tài chính của Hội nhiệm kỳ tới;
- c) Thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội (nếu có);
- d) Quyết định số lượng ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;
- đ) Quyết định việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và gia nhập các tổ chức quốc gia, khu vực và quốc tế có cùng lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật (nếu có);
- e) Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng của Hội vượt quá thẩm quyền giải quyết của Ban Chấp hành Hội;
- g) Thông qua nghị quyết Đại hội.

3. Đại hội bất thường được Ban Chấp hành Hội triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hội hoặc có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

- a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;
- b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 13. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội đại biểu toàn quốc bầu ra, là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ Đại hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội là 05 (năm) năm.

2. Ủy viên Ban Chấp hành có thể được bầu bổ sung hoặc thay thế trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội khi được trên 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành Hội biểu quyết tán thành. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành được bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định. Ban Chấp hành Hội họp định kỳ mỗi năm 01 (một) lần.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Hội:

- a) Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành và Điều lệ của Hội. Xây dựng, tổ chức chương trình hành động hàng năm và cả nhiệm kỳ theo nghị quyết Đại hội;
- b) Tổ chức, điều hành mọi hoạt động của Hội trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội; quyết định triệu tập và chuẩn bị các điều kiện để tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc, Đại hội bất thường (nếu có);

c) Tổ chức thực hiện các công việc chuẩn bị cho Hội nghị hàng năm của Hội như: Thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị; chương trình, nội dung, tài liệu, hậu cần phục vụ hội nghị và quyết định mức thu hội phí của hội viên;

d) Ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các ban chuyên môn; quy chế quản lý, sử dụng tài sản, tài chính; quy chế quản lý và sử dụng con dấu của Hội và Quyết định nội dung quy chế khen thưởng, kỷ luật, quy chế kết nạp và xóa tên hội viên và các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

đ) Quyết định số lượng và bầu Ban Thường vụ Hội;

e) Thông qua quyết định thành lập và giải thể văn phòng đại diện, tổ chức có tư cách pháp nhân, các chi hội cơ sở thuộc và trực thuộc Hội, bầu và bãi miễn các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Hội như: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký Hội, Trưởng các ban chuyên môn, các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội.

4. Nguyên tắc làm việc của Ban Chấp hành Hội:

a) Ban Chấp hành Hội hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số;

b) Ban Chấp hành Hội ban hành các quyết định và nghị quyết để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành Hội được xem là hợp lệ khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số lượng ủy viên Ban Chấp hành Hội tham dự;

d) Mọi biểu quyết trong Ban Chấp hành theo nguyên tắc quá bán, thiểu số phục tùng đa số. Trong trường hợp kết quả biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo Chủ tịch Hội hoặc người chủ trì cuộc họp. Hình thức biểu quyết tại cuộc họp Ban Chấp hành do Ban Chấp hành Hội quyết định.

Điều 14. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành do Ban Chấp hành Hội bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, hình thức bầu Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Hội quyết định nhưng không được quá 1/3 (một phần ba) số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện các nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Hội và điều hành công việc của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Triển khai các phiên họp của Ban Thường vụ và quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội;

d) Quyết định việc cấp, phát và quản lý Thẻ hội viên; xem xét đơn xin gia nhập Hội của các công dân, tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam để kết nạp làm hội viên chính thức và công nhận hội viên danh dự hoặc xóa tên hội viên;

đ) Quyết định khen thưởng, kỷ luật hội viên theo quy chế khen thưởng, kỷ luật phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

e) Quyết định những vấn đề do các đơn vị, cơ quan giúp việc của Hội đề xuất.

3. Nguyên tắc làm việc của Ban Thường vụ Hội:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp định kỳ mỗi năm 02 (hai) lần. Khi cần thiết, Ban Thường vụ có thể họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Thường vụ để giải quyết các công việc quan trọng cấp bách, phát sinh;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ được coi là hợp lệ khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Thường vụ tham dự cuộc họp tán thành. Việc quy định hình thức biểu quyết tại cuộc họp bằng giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do Ban Thường vụ Hội quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp kết quả biểu quyết ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội hoặc người chủ trì cuộc họp.

Điều 15. Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam do Ban Chấp hành Hội bầu ra trong số các ủy viên Thường vụ của Hội, là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quyết định.

2. Chủ tịch Hội có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Triệu tập, chủ trì các cuộc họp Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội; điều hành việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

c) Đại diện cho Hội trong các hoạt động đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội phù hợp với quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật; ký các văn bản giao dịch đối ngoại của Hội, các quyết định, nghị quyết của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội;

d) Ký quyết định thành lập và giải thể các đơn vị, tổ chức thuộc và trực thuộc Hội; bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự đứng đầu Văn phòng Hội, các ban chuyên môn và các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội;

đ) Là chủ tài khoản của Hội. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ và toàn thể hội viên về mọi hoạt động của Hội.

3. Khi Chủ tịch vắng mặt, nếu cần có thể ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch trong thời gian ủy quyền.

Điều 16. Phó Chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch là người giúp việc cho Chủ tịch Hội, do Ban Chấp hành Hội bầu ra trong số ủy viên Ban Chấp hành, được Chủ tịch Hội phân công phụ trách một số lĩnh vực hoạt động của Hội và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội về các lĩnh vực công việc được phân công. Trường hợp được Chủ tịch Hội ủy quyền thì chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và Ban Chấp hành về các công việc được ủy quyền. Tiêu chuẩn, số lượng Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quyết định.

2. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 17. Tổng thư ký Hội

1. Tổng thư ký Hội do Ban Chấp hành Hội bầu ra, thường trực giải quyết các công việc của Hội do Chủ tịch phân công và giúp việc điều hành hoạt động chung của Văn phòng Hội.

2. Tổng thư ký có nhiệm vụ:

a) Giúp việc cho Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về tâm lý học xã hội và thúc đẩy phát triển tâm lý học xã hội;

b) Giúp Ban Thường vụ Hội xem xét và quyết định thành lập các tiểu ban chuyên môn, các tổ chức phục vụ cho công tác phát triển Hội, góp phần đẩy mạnh hoạt động Hội theo quy định của Ban Thường vụ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Hội;

c) Chuẩn bị nội dung và làm thư ký các kỳ họp của Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ, định kỳ báo cáo Chủ tịch, Ban Chấp hành Hội về các hoạt động của Hội. Lập báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành; quản lý tài sản, tài chính của Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và Ban Chấp hành Hội về các hoạt động của Văn phòng Hội;

d) Là chủ tài khoản ủy quyền của Hội, ký phê duyệt các khoản chi cho hoạt động của văn phòng, của các dự án, các hoạt động khác do Hội tổ chức thực hiện.

Điều 18. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra do Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội bầu ra gồm có Trưởng ban, Phó ban và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra theo nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Ban Kiểm tra có các nhiệm vụ:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội, các chủ trương và chương trình công tác của Hội; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội;

b) Kiểm tra việc thực hiện các quy chế của Hội đối với hội viên;

c) Xem xét, giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến nội bộ Hội, hội viên, tổ chức pháp nhân trực thuộc theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

d) Kiểm tra những vấn đề liên quan đến hội viên, các chi hội cơ sở, đơn vị thuộc và trực thuộc do các cơ quan chức năng nhà nước yêu cầu. Kết luận về các đợt kiểm tra phải thông báo đầy đủ cho Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ và các chi hội trực thuộc và Đại hội đại biểu toàn quốc.

3. Trong khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, Ban Kiểm tra có quyền yêu cầu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các tổ chức pháp nhân trực thuộc, các cơ sở của Hội cung cấp thông tin, tài liệu, chứng từ liên quan đến những vấn đề thuộc phạm vi kiểm tra của Ban phù hợp với quy chế do Ban Chấp hành quy định, tuân thủ pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 19. Văn phòng, ban chuyên môn và tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc

1. Văn phòng Hội là bộ phận giúp việc hành chính hàng ngày của Hội do Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội giao. Tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội theo quy chế do Ban Chấp hành Hội quy định và Chủ tịch Hội ký phê duyệt. Nhân sự Văn phòng Hội do Chủ tịch Hội quyết định. Nhân viên của Văn phòng được tuyển dụng vào làm việc theo hợp đồng lao động.

2. Tùy theo yêu cầu hoạt động của Hội, Ban Thường vụ có thể đề nghị Chủ tịch Hội quyết định thành lập các ban chuyên môn tham mưu giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật. Ban Thường vụ quy định cụ thể tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn hoạt động của các ban chuyên môn, tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 20. Chi hội cơ sở

1. Ở các cơ quan, tổ chức, viện, trường nếu có từ 10 hội viên chính thức trở lên có thể thành lập chi hội cơ sở không có tư cách pháp nhân thuộc Hội. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục thành lập chi hội thuộc Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Đại hội toàn thể hội viên của chi hội họp định kỳ 05 (năm) năm 01 (một) lần, có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Chấp hành chi hội;

b) Quyết định phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch công tác của chi hội;

c) Bầu Chi hội trưởng và Chi hội phó;

d) Cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội.

4. Chi hội có nhiệm vụ:

a) Chỉ đạo và phối hợp các hoạt động để thực hiện Điều lệ Hội, quy định, quyết định của Hội và chi hội;

b) Tuyên truyền phát triển hội viên mới và mở rộng uy tín của Hội;

c) Tổ chức các buổi sinh hoạt, trao đổi, học tập, tham quan cho các hội viên theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

d) Chấp hành chế độ báo cáo định kỳ với Hội theo quy định của Ban Thường vụ Hội.

5. Các chi hội được Hội giúp đỡ tham gia hoạt động trong các tổ chức liên quan đến tâm lý học xã hội trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật và quy định của Điều lệ Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và quy định pháp luật có liên quan.

2. Các vấn đề về tài sản, tài chính, quyền và lợi ích, trách nhiệm và nghĩa vụ khác của Hội liên quan đến chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 22. Tài sản của Hội

1. Tài sản của Hội gồm: Tài sản tự có của Hội, tài sản do các tổ chức, cá nhân hỗ trợ, tài trợ, tài sản thuê (nếu có). Toàn bộ tài sản phải được thể hiện đầy đủ trong sổ sách kế toán của Hội.

2. Văn phòng Hội có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và sử dụng tài sản đúng mục đích, có hiệu quả. Trường hợp tài sản bị hư hỏng, không thể sử dụng được thì Văn phòng Hội làm thủ tục thanh lý để Ban Thường vụ Hội quyết định.

Điều 23. Nguồn thu của Hội

1. Hội phí của hội viên (mức thu hội phí hàng năm của hội viên do Ban Chấp hành Hội quy định).

2. Thu từ việc thực hiện các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội chủ trì.

3. Thu từ các nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4. Thu từ các hoạt động hợp tác, phối hợp, liên kết với các tổ chức, đơn vị khác ngoài Hội.

5. Thu từ các hoạt động tuyên truyền, quảng cáo (nếu có).

6. Thu từ đóng góp của các tổ chức pháp nhân hoạt động kinh doanh, dịch vụ trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

7. Thu từ các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo quy định của pháp luật.

8. Thu từ các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 24. Các khoản chi của Hội

1. Chi hoạt động thường xuyên của Hội.

2. Chi mua sắm tài sản, trang thiết bị và thuê trụ sở, văn phòng Hội.

3. Chi cho các đề tài nghiên cứu khoa học.

4. Chi cho các hoạt động do Hội chủ trì hoặc tham gia chủ trì các hội nghị, hội thảo, in ấn, bồi dưỡng kiến thức, tập huấn nghiệp vụ.

5. Chi phụ cấp lương, công tác phí, bảo hiểm, phúc lợi cho cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác Hội.

6. Chi cho hoạt động hợp tác quốc tế.

7. Chi khen thưởng hàng năm, đột xuất và các khoản chi khác theo quy chế tài chính của Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Hỗ trợ cho hoạt động của các đơn vị thuộc và trực thuộc Hội.

9. Các khoản chi khác để thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 25. Năm tài chính của Hội

1. Năm tài chính của Hội bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam quy định cụ thể những nguyên tắc cơ bản về quản lý và sử dụng tài chính của Hội. Ban Chấp hành Hội có nhiệm vụ xây dựng, ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản, tài chính của Hội, đảm bảo tuân thủ các quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

Chương VII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 26. Khen thưởng

1. Các tổ chức, cá nhân hội viên có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu, ứng dụng tâm lý học xã hội sẽ được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật. Các công trình nghiên cứu, ứng dụng xuất sắc sẽ được Hội đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, khen thưởng và được ưu tiên đăng trên tạp chí của Hội.

2. Ban Thường vụ Hội có trách nhiệm ban hành quy chế về khen thưởng và quy định cụ thể hình thức, trình tự, thủ tục, tiêu chuẩn khen thưởng hội viên phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 27. Kỷ luật

1. Tổ chức, cá nhân hội viên hoạt động vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết, quyết định, quy chế hoạt động của Hội, làm ảnh hưởng đến thể diện, uy tín, danh dự và lợi ích của Hội hoặc hội viên khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật với các hình thức từ phê bình, khiển trách, cảnh cáo và khai trừ, xóa tên khỏi danh sách hội viên của Hội. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất, tài sản, tài chính của Hội thì ngoài việc áp dụng các hình thức kỷ luật kể trên, hội viên đó còn phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Ban Thường vụ Hội có trách nhiệm ban hành quy chế kỷ luật trong nội bộ Hội và quy định cụ thể nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục kỷ luật, xóa tên hội viên phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ của Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam gồm có 8 (tám) Chương, 29 (hai mươi chín) Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I (nhiệm kỳ 2013 - 2018) của Hội thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2013 tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Tâm lý học xã hội Việt Nam có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Tiến Dĩnh